GIỚI THIỆU TƯ LIỆU VỀ TƯỚNG CÔNG ĐỖ CẢNH THẠC

VŨ DUY MỀN*

Quán Tam Xã hay còn gọi là đền Quán Tam Xã, nơi thờ tướng công Đỗ Cảnh Thạc làm Thành hoàng làng, trước đây thuộc 3 thôn (cũng là 3 xã): Đa Phúc, Thụy Khê và Sài Khê, huyện An Sơn; nay thuộc thôn Sài Khê, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội. Sài Sơn còn là nơi nổi tiếng bởi "Sơn thanh thủy tú", có núi Thầy với hang Cắc Cớ - hang Thánh hóa, chùa Thầy được xây dựng từ thời Lý thế kỷ XI, gắn với tên tuổi của Thiền sư Từ Đạo Hạnh. Bên cạnh chùa Thầy còn có nhà thủy đình một công trình kiến trúc độc đáo tọa lạc tại ao Long Trì, chùa Long Đẩu cũng được xây dựng gần đó, tạo nên một thắng cảnh hoàn mỹ. Hội chùa Thầy hàng năm thu hút trai thanh gái lịch khắp vùng hội tụ, hò hẹn, nên duyên.

Kết quả khảo sát tại Quán Tam Xã, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, chúng tôi đã thấy nhiều tư liệu văn tự giá trị liên quan đến Tướng công Đỗ Cảnh Thạc, như: Thần phả Thành hoàng (Thần phả-bản dịch Quốc ngữ); Sự tích bi ký, các đạo Sắc phong (chữ Hán Nôm và bản dịch); Bản kê khai thần tích thần sắc làng Sài Khê, tổng Lật Sài, huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (chữ Quốc ngữ). Bởi vậy, bài viết này, chúng tôi muốn tập trung giới thiệu những tài liệu quý giá trên, nhằm cung cấp thêm thông tin về Tướng công Đỗ Cảnh Thạc-người đã có công lớn gắn bó với 3 triều vua Ngô, giúp nước che chở cho dân, nên được nhân dân kính trọng, nhớ ơn thờ phụng lâu dài. Dưới đây xin được giới thiệu các tài liệu đó.

1. Thần phả

Bản Thần phả nguyên gốc chữ Hán chưa rõ nay ở đâu, chỉ còn bản chữ Quốc ngữ, lưu ở đền Quán Tam Xã. Phần *Lời nói đầu*, ghi: "Chúng tôi là các cụ già lão ở trong làng nhận thấy Hán học ở nước ta ngày càng mai một. Sợ rằng: ở thôn ta đời sau không có người đọc được chữ Nho. Nên chúng tôi cử ông Phan Hữu Hanh phiên dịch, ông Phan Văn Mưu chấp bút. Sao cuốn *Thần phả Thành hoàng* sang chữ Quốc ngữ để người đời sau dễ đọc.

Đa Phúc, ngày mùng bốn tháng Giêng năm Bính Tuất (1946), trang 16, ghi: ... Tên tôi là: Phan Văn Mưu, là người tìm thấy *Thần phả Thành hoàng* ở chùa Long Đẩu, nay có hai ông Nguyễn Phùng Miên và Nguyễn Văn Ất là người thôn Sài Khê đến xin sao lại *Thần phả Thành hoàng* Đỗ Cảnh Thạc. Vậy tôi xin lưu lại vài dòng làm kỷ niệm. Đa Phúc, ngày 8 tháng Giêng năm Ất Hợi (1995). Đã ký tên Phan Văn Mưu.

Từ những ghi chép trên cho biết thêm: ông Phan Văn Mưu người thôn Đa Phúc đã

*PGS.TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

tìm thấy bản *Thần phả* chữ Hán ở chùa Long Đẩu (thuộc thôn Đa Phúc). Ngày mồng 4 tháng Giêng năm 1946, các cụ già trong làng đã nhờ ông Phan Hữu Hanh dịch *Thần phả* ra chữ Quốc ngữ, ông Phan Văn Mưu chính là người chấp bút. Ngày mồng 8 tháng Giêng năm Ất Hợi (1995), hai ông Nguyễn Phùng Miên và Nguyễn Văn Ất, là người thôn Sài Khê, đến thôn Đa Phúc xin sao lại *Thần phả Thành hoàng* Đỗ Cảnh Thạc (có thể chỉ là bản Quốc ngữ), từ ông Phan Văn Mưu. Nếu được tiếp cận với bản *Thần phả* chữ Hán chắc chắn chúng ta sẽ có thêm cơ sở khoa học tin cậy hơn.

"Thần phả

Tựa

Mùa Hè năm Nhâm Dần (1602).

Cuốn *Thần phả* này viết từ sau khi Đỗ Tướng công chết được hai năm, tức ngày mồng 8 tháng Giêng năm Canh Ngọ (970). Do hai quan đồng liêu của ngài là Lữ Sử Bình và Dương Cát Lợi về viếng mộ tướng công, đã ghi lại những công lao vào sinh ra tử, đánh giặc giữ nước và nêu cao tấm gương trung nghĩa của người.

Suốt ba mươi sáu năm đánh giặc phò vua một lòng vì nước.

Tướng công phò suốt ba đời vua Ngô. Trải bao nhiêu biến cố. Tướng công vẫn giữ một lòng trung hiếu. Không bén mảng đến danh lợi cống hiến cả cuộc đời cho dân cho nước. Thật là một tấm gương trung hiếu chói lọi cho dân tộc đời đời noi theo.

Ngày mồng một tháng Tư năm Nhâm Dần (1602)".

Tiếc rằng người viết *Lời tựa* cho cuốn *Thần phả* không cho biết tính danh, quán chỉ, nhưng trong đó đã cho biết rằng: Cuốn *Thần phả* này được viết sau khi tướng công qua đời được hai năm (Canh Ngọ-970), do hai quan đồng liêu với Ngài là Lã Sử Bình và Dương Cát Lợi, nhân về viếng mộ Ngài đã ghi lại những công lao vào sinh ra tử đánh giặc giữ nước và nêu cao tấm gương trung nghĩa, phò suốt ba triều vua Ngô, cống hiến cả đời cho dân cho nước. Chính điều đó càng tăng thêm tính xác thực, tin cậy của tài liệu.

Lạc khoản ghi: "Vì tình nghĩa đồng liêu. Tôi (Dương Cát Lợi-VDM) về đây viếng mộ ông nhân tiện viết vài trang tiểu sử của ông để lưu lại đời sau.

Đại Thắng Minh Hoàng đế.

Ngày mồng 8 tháng Giêng năm thứ 3 Canh Ngọ (970).

Dương Cát Lợi.

Ông Lữ Sử Bình thì ra đôi câu đối như sau:

Phạt bắc chinh đông uy vũ trấn nhị triều Hán chúa;

Giáo dân hộ quốc đức quang lưu tam thế Ngô vương".

Có thể cho rằng, đây là một cuốn *Thần phả* được viết vào loại sớm nhất ở nước ta mà bản dịch còn lại đến ngày nay. Trong đó, hàm chứa nội dung tương đối xác tín về tiểu sử và sự nghiệp giúp dân giúp nước hiển hách của Tướng công Đỗ Cảnh Thạc.

Tóm tắt nội dung *Thần phả* (trang 2 đến trang 15, ghi lại tiểu sử của Đỗ tướng công): Đỗ tướng công húy Đỗ Cảnh Thạc, sinh ngày 14 tháng Giêng năm Nhâm Thân (912). Thân phụ là Đỗ Quảng Lăng, mẹ là Trần Thị Thọ. Quê ở ấp Đông Bộ, Quốc Oai.

Đỗ Tướng công lúc thiếu thời là một cậu bé thông minh, khỏe mạnh. Năm 16 tuổi đã có chí lớn, dám chống lại quan quân Nam Tấn khi chúng đến nhà cướp bóc. Nhưng vì thế cô, bị chúng bắt trói treo lên cây và xẻo mất một tai… Khiến lòng căm thù càng sôi sục, quyết chí tìm thầy học luyện võ nghệ, tập hợp lực lượng binh mã để trả thù nhà nợ nước… Tháng 6 năm Ất Mùi (935), ông nhận được thư của Ngô Quyền họp quân đánh đồn Bạch Hạc. Trận này quân ta đại

thắng… Nhân dân suy tôn ông là Độc Nhĩ đại vương. Ngay từ buổi đầu vốn đã phục Ngô Quyền là người tài cao đức rộng. Nên ngày 15 tháng Giêng năm Đinh Dậu (937), ông đem quân về với Ngô Quyền, tôn thờ Ngô Quyền là Ngô vương. Cuối tháng Giêng năm Đinh Dậu (937), Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền cử ông làm tiên phong đánh thành Đại La. Ông chém chết Kiều Công Tiễn, thu ấn kiếm Tiết độ sứ.

Tháng 2 năm Mậu Tuất (938), chúa Nam Hán là Lưu Cung, sai Thái tử là Hoàng Thao mang 10 vạn quân sang xâm lược nước ta, còn tự mình mang 5 vạn quân đi sau tiếp ứng.

Ngô vương sai ông ra trấn giữ cửa Bạch Đằng. Ông bàn với Ngô vương dùng cọc nhọn đóng ở lòng sông, lấy cỏ khô chất đầy 50 thuyền lớn... Lợi dụng lúc thủy triều lên, ông đã cho quân ra khiêu chiến, được vài hiệp rồi giả vờ thua bơi thuyền chạy ngược dòng, khi thuyền giặc đã vào hết tầm cọc quân ta đánh quật lại, nước thủy triều rút, vô số thuyền giặc vướng cọc bị đâm thủng; 50 chiếc thuyền cỏ đốt lửa lao thẳng vào trận giặc. Cùng lúc, quân cung nỏ phục hai bên bờ bắn xuống. Thây giặc chết đặc khúc sông. Ông bắt sống Đô đốc Hoàng Thao. Sau trận này, ông được Ngô vương phong Thái úy đứng đầu hàng quan võ.

Từ đó, chúa Nam Hán Lưu Cung, chúa Nam Tấn là Tào Huyền Tích không dám bén mảng xâm lược nước ta. Đất nước mở ra một thời kỳ tự chủ, độc lập, ông giúp Ngô vương mở mang triều chính. Đặt quan châu ở các châu ấp, mở các lớp huấn luyện để đào tạo võ nghệ... Mở trường dạy dân học chữ, cày cấy, mở ra một thời kỳ thái bình thịnh trị.

Tháng Tư năm Giáp Thìn (944), Ngô vương băng hà, Dương Tam Kha cướp ngôi vua. Thái tử là Ngô Xương Ngập, Ngô Xương Văn phải chạy trốn. Nhân việc đi đánh hai thôn Đường, Nguyễn ông đem quân quay lại vây thành Cổ Loa, bắt Dương Tam Kha; sai người đi đón hai Thái tử về, tôn Ngô Xương Ngập là Thiên Sách vương, Ngô Xương Văn là Nam Tấn vương. Tháng Giêng năm Nhâm Tý (952), Thiên Sách vương xuống chiếu gia phong các chức: Thứ sử, Thái thú, Ngự sử, Thủy quân Đô đốc, Chỉ huy xứ thống lĩnh quân bộ, cho các quan đi trấn trị trong nước. Đỗ Cảnh Thạc, Dương Cát Lợi, Phan Truật, phong Thái úy lâm quân tại triều giúp vua điều hành việc nước. Các quan văn võ triều thần đều được gia phong một trật. Sau khi Thiên Sách vương băng hà, dưới triều Nam Tấn vương thiên hạ thái bình, thịnh trị, độc lập, tự chủ hoàn toàn.

Tháng 12 năm Ất Sửu (965), Nam Tấn vương băng hà, vương vị không có người kế nối, ông trở thành thủ lĩnh-sứ quân chống lại nhiều cuộc tấn công của Đinh Bộ Lĩnh. Cuối cùng, Đinh Bộ Lĩnh vừa dùng quân vừa dùng mưu mới đánh dẹp được sứ quân Đỗ Cảnh Thạc, thống nhất đất nước. Ông hóa dưới chân núi Sài Sơn (1). Vì vậy, nhân dân trong vùng đều lập đền thờ để tưởng nhớ công đức của ông, suốt 36 năm đánh đông dẹp bắc, chống giặc ngoại xâm, phù tá suốt ba triều nhà Ngô.

2. Sự tích bi ký

Hiện tại, trong đền Quán Tam Xã còn lưu giữ tấm bia đá có tiêu đề là: *Sự tích bi ký*. Chữ Hán khắc trên bia mảnh và nông theo phong cách Nguyễn muộn, cuối thế kỷ XIX. Theo Tiến sĩ Đỗ Thị Bích Tuyển: *Sự tích bi ký* còn được chép trong *Thần tích thần sắc làng Sài Khê, tổng Lật Sài, huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây*, lưu tại Viện Thông tin khoa học xã hội, ký hiệu TTTS 2037. Thác bản bia *Sự tích bi ký*, lưu ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu N1556. Dựa vào thác bản đó, Tiến sĩ Đỗ Thị Bích Tuyển đã phiên âm, dịch nghĩa *Sự tích bi ký*, được giới thiệu trong tập *Tư liệu Hán Nôm Quán*

Tam Xã, thôn Sài Khê, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội thờ Ngài Đỗ tướng công (Hà Nội, 2016). Tóm tắt nội dung *Sự tích bi ký* như sau:

Phụng sao bia ghi việc xã Sài Khê, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây phụng thờ nhất vị.

Đỗ Lang Đại Thần là một trong 12 sứ quân. Ngài vốn là bậc siêu đẳng, trong sách sử ký ghi ngài xếp hàng thứ 5. Ngài là người Quảng Thuận, Việt Đông, thời ngũ đại thập quốc (5 đời, 10 nước của Trung Quốc). Tên thụy của Ngài là Đỗ Cảnh Thạc, làm chức Kinh đô Thống chế trong triều, cùng triều với các ông Ngô Xương Xí, Ngô Nhật Khánh, Kiều Tam Chế, Nguyễn Thái Bình, Nguyễn Lệnh Công, Lã Tá Đường, Nguyễn Thủ Tiệp, Lý Minh Công, Kiều Lệnh Công, Phạm Phòng Ất, Trần Minh Công. Mỗi người tự xưng Hùng trưởng cát cứ một vùng sông núi. Đến năm Đinh Mão (967), Ngài mở mang cơ nghiệp ở vùng cửa sông Hát, gặp lúc Đinh Tiên Hoàng (Vạn Thắng vương) khởi binh đánh dẹp loạn cát cứ, Ngài vẫn giữ vững các vùng đất ở Bảo Đà, Quốc Oai, Ứng Thiên. Chống cự được hơn 10 tháng, ngày mồng 8 tháng Giêng năm Bính Thìn (2) (Mậu Thìn-968-VDM), khi đến xã Sài Khê, huyện Yên Sơn thấy địa thế đẹp đẽ, ngài liền tự hóa. Linh khí đã về trời, nhưng hồn phách đã cảm ứng với thần để phù trợ đất nước.

Ngày 11 tháng 2 năm Bính Tuất [(1886)-Đỗ Thị Bích Tuyển] viết lại.

Ngày lành tháng trọng xuân (tháng 2) năm Chính Hòa nguyên niên (1680).

Giám sinh Quốc Tử Giám Nguyễn Liễn, Nguyễn Bật soạn.

Phụng sao Chánh Hương hội Nguyễn Đình Bính.

Lý trưởng Nguyễn Đức Kiền.

(Có đóng dấu của Chánh Hương hội xã Sài Khê).

3. Sắc phong

Hiện tại ở đền Quán Tam Xã còn lưu giữ 13 đạo sắc phong Đỗ Lang Đại Thần Quân. Tóm tắt nội dung các sắc sau đây:

Sắc số 1: sắc ban các mỹ tự cho Đỗ Lang Đại Thần Quân… Xứng Phúc Thần Tây thổ, phù giúp muôn dân, giữ thế nước vững như bàn thạch thái sơn. Vì có công giúp Tự vương lên ngôi, nay Tự vương tiến phong vương vị, thần xứng đáng được phong là… (nhiều mỹ tự).

Ngày mồng 10 tháng 12 năm Vĩnh Khánh thứ 2 (1730).

Sắc số 2: ban cấp ngày 24 tháng 7 năm Cảnh Hưng nguyên niên (1740); Sắc số 3: ban ngày mồng 8 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 28 (1767); Sắc số 4: ban ngày 16 tháng 5 năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783); Sắc số 5: ban ngày 22 tháng 3 năm Chiêu Thống nguyên niên (1786).

Từ sắc số 2 đến sắc số 5 về nội dung cơ bản giống sắc số 1 và ghi nhận thêm thần đã từng vào làm việc trong phủ chính, ngầm phù tông xã, củng cố cơ đồ.

Sắc số 6: sắc ban cho Đỗ Lang Đại Thần Quân. Cứu nước, giúp dân, tỏ rõ công đức, từng được các triều đại phong tặng… nên gia tặng cho Thần là Uy Vũ Chi Thần. Cho phép xã Sài Khê, huyện Yên Sơn phụng thờ như cũ.

Ngày 21 tháng 7 năm Minh Mệnh thứ 2 (1821).

Sắc số 7: … Gia tặng cho Thần là Uy Vũ Hoàn Hùng Chi Thần. Vẫn cho phép xã Sài Khê, huyện Yên Sơn phụng thờ như cũ.

Ngày 11 tháng 7 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Sắc số 8: … Gia tặng cho Thần là Uy Vũ Hoàn Hùng Cương Quả Chi Thần.

Ngày 12 tháng 8 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Sắc số 9: … Gia tặng cho Thần là Uy Vũ Hoàn Hùng Cương Quả Quang ý trung đẳng thần.

Ngày 20 tháng 11 năm Tự Đức thứ 3 (1850).

Sắc số 10: sắc chỉ ban cho xã Sài Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Sơn Tây theo trước phụng thờ Uy Vũ Hoàn Hùng Cương Quả Quang ý Đỗ Lang Đại Thần trung đẳng thần…

Ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức thứ 33 (1880).

Sắc số 11: … Gia tặng cho thần là Dực Bảo Trung Hưng trung đẳng thần. Vẫn cho phép xã Sài Khê... phụng thờ như cũ.

Ngày mồng 1 tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887).

Sắc số 12: ... Đặc chuẩn cho phép phụng thờ thần như cũ…

Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3 (1909).

Sắc số 13: ... Nay đúng dịp trẫm làm lễ mừng thọ tứ tuần, theo lễ nâng bặc, gia phong cho thần là Trác Vĩ thượng đẳng thần. Đặc chuẩn cho phép phụng thờ..

Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924).

4. Bản kê khai thần tích thần sắc làng Sài Khê, tổng Lật Sài, huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây

Năm 1938, Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp đã tiến hành một cuộc điều tra rộng lớn về phong tục tập quán và văn hóa tâm linh của các làng xã Bắc Kỳ. Dưới dạng đặt ra các câu hỏi, Tổng Lý các làng xã có trách nhiệm trả lời các câu hỏi đó, có hay không. Nếu có thì cụ thể như thế nào phải kê khai ra giấy và nộp lên trên. Bản kê khai thần tích thần Sắc làng Sài Khê là một ví dụ sinh động về kết quả của cuộc điều tra đó. Nội dung câu hỏi và câu trả lời được trình bày tóm lược dưới đây:

Tên làng, xã (tên chữ và tên Nôm) thuộc về tổng, phủ, tỉnh nào? Xã Sài Khê, tổng Lật Sài, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây.

Thần Thành hoàng làng: tên hiệu Ngài là gì? Tên thường gọi và tên húy? Ngài hiệu là Đỗ Lang, húy là Đỗ Cảnh Thạc.

Ngài là thiên thần hay nhân thần? Ngài là nhân thần.

Sự tích Ngài thế nào? Ngài là một vị sứ quân đệ ngũ (hàng thứ 5). Khi Ngài làm quan với nhà Ngô có giết Dương Tam Kha vì tiếm ngôi vua. Sau nhà Ngô thất thế Ngài chia ra thập nhị sứ quân, mỗi ngài giữ một khu. Nhà Đinh nổi lên, ngài bị đánh thua, ngài về huyện Yên Sơn thuộc Sài Khê hóa ở đấy. Ba xã Sài Khê, Đa Phúc, Thụy Khê cùng lập đền thờ ngài, tục gọi là miếu Tam Xã. Ngày hóa là ngày mồng 8 tháng Giêng.

Sự tích ngài chỉ truyền khẩu hay có sách? Sự tích ngài có bia, sắc phong tự lịch triều (ghi 7 sắc phong: Sắc ngày mồng 1 tháng 6 năm Gia Long thứ 9 (1810), phong Thần Diệu Cảm Uy Linh Cương Nghị. Sáu sắc phong còn lại nội dung giống như các sắc số 6-7-9-11-12-13, đã giới thiệu ở trên.

Trong năm tế lễ, ngài là những ngày nào? Ngày mồng 8 tháng Giêng tế nhập tịch là ngày hóa của Ngài. Khi tế lễ ngài phải kiêng tên húy "Đỗ Cảnh Thạc" (không được đọc to).

Sài Khê ngày 13 tháng 8 năm 1938.

Có đóng dấu và chữ ký của Tri phủ Quốc Oai, Chánh, Phó Hương hội xã Sài Khê.

5. Phác thảo chân dung Đỗ Tướng công

Tổng hợp từ các tài liệu được giới thiệu trên có thể tạm đưa ra phác thảo về chân dung Tướng công Đỗ Cảnh Thạc sau đây: Đỗ tướng công tên húy và tên thụy là: Đỗ Cảnh Thạc, tên hiệu là Đỗ Lang, ông sinh ngày 14 tháng Giêng năm Nhâm Thân (912), quê ở ấp Đông Bộ (3)- Quốc Oai (nay

thuộc Thành phố Hà Nội). Thân phụ là Đỗ Quảng Lăng, mẹ là Trần Thị Thọ.

Đỗ Lang Đại Thần vốn là một Hào trưởng có uy tín lớn trong vùng-là một trong 12 sứ quân. Ngài vốn là bậc siêu đẳng, trong sách sử ký ghi ngài xếp hàng thứ 5; làm chức Kinh đô Thống chế trong triều, cùng triều với các ông Ngô Xương Xí, Ngô Nhật Khánh, Kiều Tam Chế, Nguyễn Thái Bình, Nguyễn Lệnh Công, Lã Tá Đường, Nguyễn Thủ Tiệp, Lý Minh Công, Kiều Lệnh Công, Phạm Phòng Át, Trần Minh Công. Mỗi người tự xưng Hùng trưởng cát cứ một vùng sông núi. Đến năm Đinh Mão, Ngài mở mang cơ nghiệp ở vùng cửa sông Hát, gặp lúc Đinh Tiên Hoàng (Vạn Thắng vương) khởi binh đánh dẹp loạn cát cứ, Ngài vẫn giữ vững các vùng đất ở Bảo Đà, Quốc Oai, Ứng Thiên. Chống cự được hơn 10 tháng, ngày mồng 8 tháng Giêng năm Mậu Thìn (968) khi đến xã Sài Khê, huyện Yên Sơn thấy địa thế đẹp, Ngài liền tự hóa. Linh khí đã về trời, nhưng hồn phách đã cảm ứng với thần để phù trợ đất nước.

Ghi nhận công lao đóng góp của Ngài, nên các triều đại từ hậu Lê thế kỷ XVIII và Nguyễn thế kỷ XIX đều cấp sắc gia phong nhiều mỹ tự, nâng bậc cho thần, như: Uy Vũ Hoàn Hùng Chi Thần, Uy Vũ Hoàn Hùng Cương Quả Quang ý trung đẳng thần…, Dực Bảo Trung Hưng trung đẳng thần, Trác Vĩ thượng đẳng thần.

Ba xã Sài Khê, Đa Phúc, Thụy Khê cùng lập đền thờ Ngài, tục gọi là miếu Tam Xã hay Quán Tam Xã, hàng năm cúng tế không quên công lao cứu nước giúp dân của Ngài. Ngoài ra, Ngài còn được thờ vọng ở đình Cổ Hiền, xã Tuyết Nghĩa, đình Ngô Sài ở Thị trấn Quốc Oai và đền thờ ở làng Bình Đà, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai; đình Bình Xá, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

CHÚ THÍCH

(1). *Thần tích Độc Nhĩ Đại Vương*, in trong Nguyễn Danh Phiệt, *Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 213: "Một hôm giao chiến với Đinh Bộ Lĩnh, ông bị một mũi tên lạc làm sát thương, lại bị bệnh sốt liên miên. Ông bèn triệu tập gia thần 71 hương (làng) hội họp ở cung Trại Quyền (Quèn). Cắt đặt công việc xong xuôi, lại chọn lấy 10 tay sào chèo thuyền đưa ông về Bắc quốc, nhưng khi vừa tới dưới chân núi Đồng Lĩnh phủ Lạng Giang đạo Kinh Bắc thì mất (lúc ấy là vào ngày 25 tháng 10). Gia thần mua quan tài quý (ngọc quan) hành lễ khâm liệm, chôn cất trên núi Đồng Lĩnh. Sau khi chôn cất xong, gia thần quay về báo cho dân chúng Trại và 71 hương cùng lập miếu thờ phụng ông".

(2). Năm Bính Thìn (956). Năm Mậu Thìn (968), ngài hóa.

(3). Theo *Sự tích bi ký*: Ngài là người Quảng Thuận, Việt Đông, thời ngũ đại thập quốc (5 đời mười nước thuộc Trung Quốc). Theo *Thần tích Độc Nhĩ Đại Vương*, in trong Nguyễn Danh Phiệt, *Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 210: Độc Nhĩ Đại Vương vốn người Quảng Lăng, Bắc quốc, cha ông họ Đỗ tên Thạc, mẹ là Trần Thị Thọ, gia đình thường làm việc thiện. Do cảm ứng động lòng trời mà giáng sinh Đỗ Cảnh công.